

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2020/HC-ST**

Ngày: 09 – 9 – 2020

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính yêu cầu
cấp đất tái định cư.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hanh và ông Nguyễn Hữu On.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hùng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 36/2017/TLST-HC ngày 17 tháng 5 năm 2017 về việc “*khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính yêu cầu cấp đất tái định cư*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HC ngày 11 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HC ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1 Bà Lê Thị N – sinh năm 1965;

1.2 Bà Lê Thị T – sinh năm 1970;

1.3 Bà Lê Thị P – sinh năm 1970;

1.4 Ông Lê Đức D – sinh năm 1974;

1.5 Bà Lê Thị H – sinh năm 1976;

1.6 Ông Lê Đức T – sinh năm 1982;

1.7 Bà Lê Thị – sinh năm 1986.

1.8 Bà Lê Thị L – sinh năm 1980, bà Lê Thị Y – sinh năm 1955.

Cùng trú tại: Thôn PT, xã HT, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Bà N, bà T, bà P, bà H, ông T, bà C, bà Y có mặt; ông D, bà L vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện: Bà Lê Thị P – sinh năm 1970. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị Y (trợ giúp pháp lý): Ông Nguyễn Hương Q – Luật sư, văn phòng Luật sư P, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bị kiện:

1.9 Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

1.10 Chủ tịch UBND thị xã Đ, tỉnh Phú Yên;

Đều vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1 UBND xã HT, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã HT: Ông Cao Văn Minh – Công chức tư pháp xã HT. Có mặt.

2.2 Chi hội người cao tuổi thôn PT, xã HT, thị xã Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Địch – Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi thôn PT. Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Những người khởi kiện (do bà Lê Thị P đại diện) thống nhất trình bày:

Theo Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND huyện Đ về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho cha tôi là ông LĐT bị ảnh hưởng bởi dự án: Nhà máy lọc dầu Vũng Rô. Nội dung của Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND huyện Đ, quy định rõ tại điểm c khoản 1 Điều 1: Bố trí đất tái định cư: Khu định cư Phú Lạc (giai đoạn 1), Tiền sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính phải nộp 15.000.000 đồng

Như vậy trong quá trình giải quyết bồi thường, cha tôi (ông LĐT) đã giao đất kịp thời cho nhà nước và nhà nước đã thu 15.000.000 đồng tiền đất tái định cư. Sau khi giao đất và nhận tiền bồi thường đến năm 2015, gia đình ông LĐT đến UBND huyện yêu cầu giao đất thì cán bộ huyện hứa chờ giải quyết. Chờ đến cuối năm 2016 vẫn không thấy giải quyết.

Hiện nay ông LĐT đã chết (năm 2016) nên những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Tiến làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc UBND huyện Đ phải thực hiện đầy đủ nội dung của Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND huyện Đ, tiến hành giao đất tái định cư cho những người thừa kế của ông LĐT theo quy định.

Do đó những người khởi kiện yêu cầu:

- Hủy công văn số 1960/UBND – TNMT ngày 20/4/2017 “V/v trả lời đơn của ông Lê Đức Tân”.

- Hủy Thông báo số 454/TB-UBND ngày 04/7/2017 của UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) “*V/v Đính chính nội dung sai sót tại điểm c, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1278/QĐ-UBND, ngày 13/12/2013 của UBND huyện Đ*”;

Buộc UBND thị xã Đ (trước kia là huyện Đ) tiến hành giao đất tái định cư cho gia đình ông LĐT theo Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND huyện Đ (nay là UBND thị xã Đ).

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã Đ (trước kia là UBND huyện Đ) trình bày:

Thực hiện dự án nhà máy lọc dầu Vũng Rô, UBND huyện Đ ban hành 03 Quyết định thu hồi đất đối với ông LĐT.

Trước khi UBND huyện Đ ban hành Quyết định 806/QĐ-UBND ngày 04/10/2013 “*V/v Phê duyệt Phương án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Nhà máy lọc dầu HT (giai đoạn 1) 134ha xây dựng cảng trên cạn tại xã HT, huyện Đ, tỉnh Phú Yên*” thì có lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 25/PA- TTPTQĐ ngày 04/10/2013, tuy nhiên đây là phương án tổng thể không có chi tiết từng hộ gia đình, cá nhân và tổ chức).

UBND huyện Đ căn cứ vào bảng tổng hợp kinh phí chi trả bồi thường, hỗ trợ cho 35 hộ gia đình cá nhân để thực hiện dự án nhà máy lọc dầu Vũng Rô (giai đoạn 1) 134ha phần xây dựng cảng trên cạn (lần 5) do UBND huyện Đ lập ngày 12/12/2013 thể hiện hộ ông LĐT được bồi thường, hỗ trợ với số tiền 99.525.657 đồng, nhưng do hộ ông Tiến phải thực hiện nghĩa vụ tài chính với số tiền 15.000.000 đồng nên UBND huyện Đ ban hành Quyết định 1278/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 để tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông LĐT với số tiền 84.525.657 đồng.

Tại Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND huyện Đ “*Về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông LĐT*” có thể hiện tiền sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính phải nộp 15.000.000 đồng, đó là tiền sử dụng đất (50%) phải nộp khi nhà nước công nhận là đất ở đối với diện tích 250m² đất ở khi bị nhà nước thu hồi do thời điểm sử dụng đất của hộ ông LĐT sau ngày 15/10/1993 và trước ngày 01/7/2004 (Theo Nghị định 198/2004/NĐ-CP và Nghị định 120/2010/NĐ-CP) chứ không phải là tiền sử dụng đất nộp để được tái định cư tại Phú Lạc, xã Hòa Hiệp Nam (giai đoạn 1).

Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ) căn cứ vào tại thời điểm thu hồi đất 250m² đất ở thì ông Tiến có đất ở nơi khác theo biên bản làm việc ngày 21/7/2017 giữa phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ với UBND xã HT (cụ thể ông Tiến có đất ở và nhà ở tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 94-D đo đạc năm 1995 với diện tích 4.520m² loại đất T, tọa lạc tại Thôn PT, xã HT, huyện Đ) và trong quá trình họp xét quy chủ nguồn gốc đất của UBND xã HT không đề cập

tái định cư cho hộ ông LĐT nên trong quá trình lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) không xem xét tái định cư cho hộ gia đình ông LĐT, nhưng do trong quá trình soạn thảo văn bản, tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định số 1278/QĐ - UBND ngày 13/12/2013, trung tâm phát triển quỹ đất có sự nhầm lẫn dẫn đến sai sót nên có đề cập đến tái định cư. Do đó, ngày 04/7/2017 UBND huyện Đ đã ban hành thông báo số 454/TB-UBND để đính chính nội dung sai sót tại điểm c, khoản 1, Điều 1 của Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND huyện Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã HT: Thực hiện dự án nhà máy lọc dầu Vũng Rô diện tích đất của ông LĐT (cha của bà Lê Thị P) bị ảnh hưởng thu hồi với tổng diện tích 554m² thuộc thửa đất số 169, tờ bản đồ 94-D, bản đồ địa chính đo đạc năm 1995. Nguyên nguồn gốc của diện tích đất này là do ông LĐT khai hoang vào năm 1997 và có xây dựng ngôi nhà để Chi hội người cao tuổi thôn PT làm nơi sinh hoạt chung. Nguồn vốn xây dựng là từ tiền đóng góp của các hội viên.

Thực hiện dự án Nhà máy lọc dầu Vũng Rô (phần 134ha xây dựng cảng trên cạn). Hội đồng họp xét của UBND xã HT đã tiến hành họp quy chủ nguồn gốc đất và xét tái định cư cho tổng cộng 110 hộ được xét cấp đất tái định cư nhưng không có tên hộ ông LĐT.

UBND xã HT căn cứ vào tại thời điểm thu hồi đất đối với diện tích 554m² (trong đó có 250m² đất ở) thì ông Tiến có đất ở và nhà ở nơi khác (cụ thể tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 94-D, bản đồ địa chính đo đạc năm 1995 với diện tích 4.520m² loại đất T, tọa lạc tại thôn PT, xã HT) nên trong quá trình họp xét quy chủ nguồn gốc đất, UBND xã HT không đề cập tái định cư cho hộ ông LĐT.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi hội người cao tuổi thôn PT, xã HT trình bày: Nguyên ngôi nhà trên diện tích gia đình ông LĐT bị thu hồi giải phóng mặt bằng là do Chi hội người cao tuổi thôn PT góp tiền để xây dựng nhằm làm nơi sinh hoạt của Chi hội chứ không phải là nhà ở của ông LĐT. Sau khi nhà nước bồi thường ngôi nhà nêu trên thì gia đình ông LĐT tự ý nhận tiền bồi thường và tự phân chia cho các hội viên mà không thông qua Chi hội nên Chi hội người cao tuổi thôn PT có khởi kiện ông LĐT trong vụ án dân sự để đòi lại tài sản bị chiếm giữ nhưng hiện nay Chi hội người cao tuổi đã rút toàn bộ đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Đ đã đình chỉ giải quyết vụ án. Do đó, việc gia đình bà Lê Thị P (con của ông LĐT) khởi kiện Quyết định hành chính của UBND huyện Đ, với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện cho Chi hội người cao tuổi tôi không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện. Tòa án nhân

dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính đề Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho bà Lê Thị Yên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của những người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã HT vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định pháp luật; Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a, khoản 2, điều 193 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện vì không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi, lời trình bày của các đương sự, đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Người bị kiện UBND thị xã Đ, Chủ tịch UBND thị xã Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi hội người cao tuổi thôn PT vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 158 Bộ luật tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Người khởi kiện nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên yêu cầu:

- Hủy công văn số 1960/UBND – TNMT ngày 20/4/2017 “V/v trả lời đơn của ông Lê Đức Tân”.

- Hủy Thông báo số 454/TB-UBND ngày 04/7/2017 của UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) “V/v *Định chính nội dung sai sót tại điểm c, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1278/QĐ-UBND, ngày 13/12/2013 của UBND huyện Đ*”;

- Buộc UBND thị xã Đ (trước kia là huyện Đ) tiến hành giao đất tái định cư cho gia đình ông LĐT theo Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND huyện Đ (nay là UBND thị xã Đ).

[2.1] Xét thấy văn bản số 1960/UBND -TNMT ngày 20/4/2017 của UBND huyện Đ: Về hình thức, các văn trả lời nêu trên không được ban hành dưới hình thức quyết định giải quyết khiếu nại là không đúng với quy định của Luật khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 18 của Luật khiếu nại năm 2011 thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại là của Chủ tịch UBND các cấp và nội dung của văn bản, có sự tác động trực tiếp đến yêu cầu UBND huyện Đ (nay là

thị xã Đ) tiến hành giao đất tái định cư cho gia đình ông LĐT theo Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND huyện Đ (nay là UBND thị xã Đ) là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính. Mặc khác trong quá trình khởi kiện thì UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) ban hành Thông báo số 454/TB-UBND ngày 04/7/2017 của UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) “*V/v Đính chính nội dung sai sót tại điểm c, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1278/QĐ-UBND, ngày 13/12/2013 của UBND huyện Đ*”; Do đó, các yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện còn trong thời hiệu giải quyết vụ án hành chính tại điều 116 Luật tổ tụng hành chính. Người khởi kiện nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, nên TAND tỉnh Phú Yên tiến hành thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[3] *Xét nguồn gốc đất và quá trình thu hồi, bồi thường hỗ trợ của UBND huyện Đ (nay là UBND thị xã Đ) đối với ông LĐT:*

[3.1] Căn cứ theo đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất đề ngày 20/10/2004 (đã được chính quyền xã HT xác nhận ngày 01/11/2004) thì diện tích đất bị thu hồi có nguồn gốc là ông LĐT khai hoang vào năm 1997, thuộc trường hợp không có các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật đất đai 2003.

[3.2] Đối chiếu hồ sơ địa chính lập 1998 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thể hiện: Ngoài diện tích đất khai hoang bị thu hồi, giải phóng mặt bằng nêu trên thì vợ chồng ông LĐT, bà Đậu Thị H (cha mẹ của bà Lê Thị P) còn được ghi vào sổ địa chính ngày 26/12/1998 với diện tích 200m² đất ở và 4.120m² đất vườn tại thửa đất số 116, tờ bản đồ 94-D, số vào sổ 00214 theo Quyết định số 167/QĐ-UB ngày 25/12/1998 của UBND huyện TH.

[3.3] Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị P cho rằng ngôi nhà trên diện tích đất bị thu hồi là của ông LĐT sử dụng để ở. Tuy nhiên theo biên bản kết thúc điều tra số 10/CSĐT ngày 18/03/2015 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ, bản án số 23/2015/DS-ST ngày 14/9/2015 của TAND huyện Đ và bản án số 02/2016/DS-PT ngày 11/01/2016 của TAND tỉnh Phú Yên đều thể hiện ngôi nhà này là nơi sinh hoạt của Chi hội người cao tuổi thôn PT (do hội viên đóng góp tiền xây dựng). Trên thực tế ông LĐT xây dựng nhà ở trên diện tích 200m² đất ở tại thửa đất số 116, tờ bản đồ 94-D.

[3.4] Thực hiện dự án Nhà máy lọc dầu Vũng Rô tại xã HT thì UBND huyện Đ đã thu hồi diện tích 250m² đất ONT tại thửa 169, tờ bản đồ số 94-D nêu trên của ông LĐT. Ông LĐT và gia đình thống nhất theo diện tích đất bị thu hồi nêu trên và nhận tiền đền bù không có khiếu nại, khởi kiện, thể hiện tại phiếu chi số 256b ngày 17/01/2013 (bút lục số 03). Tuy nhiên, tại điểm c, khoản 1, Điều 1 của Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND huyện Đ (nay là UBND thị xã Đ) “*Về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông LĐT, bị ảnh hưởng bởi dự án: Nhà máy lọc dầu Vũng Rô (giai đoạn 1). Phần 134 ha xây dựng cảng trên cạn (lần 5)*” lại thể hiện “*Bố trí tái*

định cư: Khu tái định cư Phú Lạc (giai đoạn 1); tiền sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính phải nộp: 15.000.000 đồng)”. Do đó, những người khởi kiện mới phát sinh khiếu nại, khởi kiện để yêu cầu cấp đất tái định cư cho ông LĐT.

[4] Xét Quyết định hành chính số 1278/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định 1278 nêu trên là căn cứ vào Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 04/10/2013 của UBND huyện Đ “V/v Phê duyệt Phương án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án: Nhà máy lọc dầu HT (giai đoạn 1) 134 ha xây dựng cảng trên cạn tại xã HT, huyện Đ, tỉnh Phú Yên). Phương án số 25/PA-PTQĐ ngày 04/10/2013 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đ là phương án tổng thể không thể hiện chi tiết hộ gia đình, cá nhân và tổ chức). Tuy nhiên, căn cứ theo Bảng tổng hợp kinh phí chi trả bồi thường, hỗ trợ (ban hành kèm theo Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 04/10/2013) thì không thể hiện hộ ông LĐT phải di chuyển chỗ ở và bố trí tái định cư. Đồng thời tại biên bản xác minh ngày 06/9/2017 của TAND tỉnh Phú Yên tại UBND xã HT (BL 138) thể hiện: Thực hiện dự án nhà máy lọc dầu Vũng Rô (phần 134ha xây dựng cảng trên cạn). Hội đồng hợp xét của UBND xã HT thực hiện xét tái định cư cho tổng cộng 110 hộ được xét cấp đất tái định cư (thể hiện qua biên bản họp xét ngày 23/9/2013, ngày 25/9/2013 và biên bản ngày 23/10/2013) nhưng đều không có tên ông LĐT.

[4.2] Điều 4 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định “Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Nghị định này mà phải di chuyển chỗ ở thì được bố trí tái định cư bằng một trong các hình thức sau:” (nay là điểm a khoản 1 Điều 79 Luật đất đai 2013 “Trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở; trường hợp không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở thì Nhà nước bồi thường bằng tiền”).

[5] Mặc khác, Chính sách tái định cư là nhằm giải quyết chỗ ở cho người có đất ở bị thu hồi. Tuy nhiên, hiện nay ông LĐT (người có đất bị thu hồi) đã chết (Theo trích lục khai tử số 56/TLKT-BS ngày 10/5/2017 của xã HT).

[6] Như vậy tại điểm c, khoản 1, Điều 1 của Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND huyện Đ (nay là UBND thị xã Đ) “Về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông LĐT, bị ảnh hưởng bởi dự án: Nhà máy lọc dầu Vũng Rô (giai đoạn 1). Phần 134 ha xây dựng cảng trên cạn (lần 5)” thể hiện “Bố trí tái định cư: Khu tái định cư Phú Lạc (giai đoạn 1); tiền sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính phải nộp: 15.000.000 đồng)” là không đúng quy định của pháp luật. Đại diện người bị kiện cũng đã thừa nhận việc sai sót này và đã ban hành Thông báo số 454/TB-UBND ngày 04/7/2017 của UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) “V/v Đính chính nội dung sai sót tại điểm c,

khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1278/QĐ-UBND, ngày 13/12/2013 của UBND huyện Đ”;

[7] Từ những nhận định nêu trên HĐXX nhận thấy: Việc những người khởi kiện yêu cầu UBND thị xã Đ cấp đất tái định cư cho ông LĐT (đã chết) là không có cơ sở.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 30, 32, 116, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 4 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người kiện: Bà Lê Thị N, bà Lê Thị T bà Lê Thị P, ông Lê Đức D, bà Lê Thị H, ông Lê Đức T, bà Lê Thị C, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Y (do bà Lê Thị P làm đại diện theo ủy quyền) đối với các yêu cầu:

- Hủy công văn số 1960/UBND – TNMT ngày 20/4/2017 “V/v trả lời đơn của ông Lê Đức T” của Chủ tịch UBND huyện Đ (nay là Chủ tịch UBND thị xã Đ).

- Hủy Thông báo số 454/TB-UBND ngày 04/7/2017 của UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) “V/v *Đính chính nội dung sai sót tại điểm c, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1278/QĐ-UBND, ngày 13/12/2013 của UBND huyện Đ”;*

Buộc UBND thị xã Đ tiến hành giao đất tái định cư cho ông LĐT theo Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND huyện Đ (nay là UBND thị xã Đ).

Vì không có căn cứ pháp luật.

Về án phí: Những người khởi kiện (do bà Lê Thị P làm đại diện theo ủy quyền) phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2015 0001059 ngày 17/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

bản án được bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Cục THADS tỉnh Phú Yên (1);
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh (1);
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, VT, hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Minh